

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:1721 /TB-KSBT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả Ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt của Nhà máy nước Kiến Thiết năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã Tân Minh;
- Trung tâm Y tế khu vực Tiên Lãng;
- Nhà máy nước Kiến Thiết.

Thực hiện Kế hoạch số 765/KH-KSBT ngày 13/4/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng về việc giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các đơn vị cấp nước có công suất từ 1.000m³/ngày đêm trở lên trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng đã thực hiện lấy mẫu ngoại kiểm chất lượng nước sạch tại Nhà máy nước Kiến Thiết (xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng). Tổng số mẫu lấy là 03 mẫu, gồm: 01 mẫu nước sau xử lý tại bể chứa nước thành phẩm và 02 mẫu nước lấy ngẫu nhiên tại vòi sử dụng trên mạng lưới phân phối của đơn vị cấp nước.

Các mẫu nước được phân tích 41 thông số theo QCVN 02:2023/TPHP - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng tại Phòng thử nghiệm được công nhận phù hợp TCVN ISO/IEC 17025:2017. Kết quả ngoại kiểm như sau:

1. Kết quả phân tích

Nhà máy nước Kiến Thiết có 03/03 mẫu không đạt QCVN 02:2023/TPHP (chiếm 100%), cụ thể:

- Thông số Tổng Coliforms không đạt quy chuẩn tại 03/03 mẫu (100%);
- Thông số *E.Coli* vượt ngưỡng tiêu chuẩn 1/3 mẫu (33,3%);
- Thông số Trục khuẩn mũ xanh (*Pseudomonas aeruginosa*) không đạt quy chuẩn tại 01/03 mẫu (33,3%).

(Kết quả phân tích chi tiết gửi kèm theo Thông báo này).

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Tân Minh

- Chỉ đạo, đôn đốc Nhà máy nước Kiến Thiết khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục, bảo đảm chất lượng nước sạch cung cấp cho nhân dân;
- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với Trung tâm Y tế khu vực Tiên Lãng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung kiến nghị nêu trên;
- Đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đối với đơn vị cấp nước có hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 90/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

2.2. Trung tâm Y tế khu vực Tiên Lãng

- Thông báo kết quả ngoại kiểm cho Nhà máy nước Kiến Thiết và Ủy ban nhân dân xã Tân Minh;
- Phối hợp với UBND xã Tân Minh kiểm tra, giám sát việc triển khai các biện pháp khắc phục của Nhà máy nước Kiến Thiết; hướng dẫn đơn vị thực hiện đúng quy định về nội kiểm, kiểm nghiệm và bảo đảm chất lượng nước sạch;
- Theo dõi kết quả khắc phục của đơn vị cấp nước; trường hợp đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định về bảo đảm chất lượng nước sạch, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân xã Tân Minh và Sở Y tế để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

2.1. Đối với Nhà máy nước Kiến Thiết

Để bảo đảm chất lượng nước sạch cấp cho người dân đáp ứng quy định của QCDP 02:2023/TPHP, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố đề nghị Nhà máy nước Kiến Thiết khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

- a) Về bảo đảm chất lượng nước sạch
 - Rà soát toàn bộ quy trình xử lý nước, đặc biệt là công đoạn khử trùng; thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm loại bỏ tình trạng nhiễm vi sinh trong nước thành phẩm và trên mạng lưới cấp nước;
 - Duy trì hàm lượng clo dư theo quy định tại toàn bộ hệ thống cấp nước; tăng cường theo dõi thường xuyên các chỉ tiêu độ đục, màu sắc, mùi, vị và các chỉ tiêu chất lượng nước khác; khuyến khích lắp đặt hệ thống giám sát trực tuyến (online) đối với các thông số vận hành;
 - Tăng cường công tác vệ sinh bể chứa nước thành phẩm, đường ống phân phối, khu vực sản xuất và hệ thống thu gom, thoát nước trong khuôn viên nhà máy;
 - Thực hiện đầy đủ việc nội kiểm chất lượng nước theo quy định tại Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế và QCDP 02:2023/TPHP;

- Sau khi thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 52/2024/TT-BYT, Nhà máy nước Kiến Thiết có trách nhiệm lấy mẫu kiểm nghiệm lại các chỉ tiêu không đạt và gửi kết quả kiểm nghiệm, báo cáo kết quả khắc phục đến Trung tâm Y tế khu vực Tiên Lãng, Ủy ban nhân dân xã Tân Minh và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng để theo dõi, giám sát.

b) Về công tác quản lý chất lượng nước

- Thực hiện đầy đủ chế độ hồ sơ, sổ sách quản lý chất lượng nước theo quy định;

- Lập và duy trì nhật ký theo dõi hằng ngày đối với các chỉ tiêu vận hành (clo dư tự do, độ đục, màu sắc, mùi, vị...) bằng phương pháp định lượng hoặc test nhanh;

- Duy trì việc giám sát chất lượng nước từ nguồn nước thô, nước sau xử lý đến nước trên mạng lưới phân phối nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các nguy cơ gây mất an toàn nước sạch;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định của Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

Đề nghị Nhà máy nước Kiến Thiết nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung nêu trên; báo cáo kết quả khắc phục và gửi kèm kết quả kiểm nghiệm lại về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Sở Y tế theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế;
- Sở NN&MT;
- GD CDC;
- Khoa TTGDSK (để đăng tải trên Website);
- Lưu: VT, SKMT-YTTH.

} để báo cáo;

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Hình



SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 84 Nguyễn Tất Tố, Lê Chân, Hải Phòng
Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học – Tầng 4, Tòa A



VILAS 513

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Loại mẫu: Nước sạch
- Tình trạng mẫu: (02 can nhựa x 3L/can, 01 chai thủy tinh nút mài 500ml)/ mẫu, mẫu có được bảo quản lạnh
- Ngày lấy mẫu: 28/5/2026
- Đơn vị đề nghị lấy mẫu: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố
- Địa điểm lấy mẫu:
 - Mẫu 1: Nhà máy nước Kiến Thiết - thôn An Thạch, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng. (mã mẫu GS65-79NS)
 - Mẫu 2: Hộ gia đình Lê Thị Duyên - thôn An Thạch, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng (mã mẫu GS66-80NS)
 - Mẫu 3: Hộ gia đình Vũ Văn Thêu - thôn An Thạch, xã Tân Minh, thành phố Hải Phòng (mã mẫu GS67-81NS)
- Yêu cầu kiểm nghiệm: theo QCDP 02:2023/TPHP
- Thời gian kiểm nghiệm: Từ ngày 28/5/2026 đến ngày 09/7/2026
- Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	P.pháp phân tích	Kết quả			Giới hạn tối đa cho phép theo (QCDP 02:2023/TPHP)
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	SMEWW 3125:2023	0,0016	0,0022	0,0022	0,01
2	Clo dư	mg/l	TCCS 50 : 2016	0,3	0,2	0,2	0,2 – 1,0
3	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1: 2020	0,38	0,29	0,31	2
4	Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015*	<5	<5	<5	15
5	Mùi vị		TCCS 61 : 2016	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi vị lạ
6	pH		TCVN 6492 : 2011	7,19	7,21	7,22	6,0 – 8,5

Chú thích:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao từng phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
- Tên, địa chỉ của khách hàng và mẫu được ghi theo yêu cầu của đơn vị gửi mẫu.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
- Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu có dấu ** là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

BM 7.8/01



SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 84 Nguyễn Tất Tố, Lê Chân, Hải Phòng
Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học – Tầng 4, Tòa A



VILAS 513

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	P.pháp phân tích	Kết quả			Giới hạn tối đa cho phép theo (QCDP 02:2023/TPHP)
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
7	Chỉ số Pecmanganat	mg/l	TCCS 42 : 2016	0,96	0,96	1,12	2
8	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻)	mg/l	TCVN 6178: 1996*	0,015	0,012	0,014	0,05
9	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	TCCS 36 : 2016	0,748	0,751	0,754	2
10	Hàm lượng Chloride (Cl ⁻)	mg/l	TCVN 6194:1996*	235,72	235,01	241,4	300
11	Độ cứng tính theo CaCO ₃	mg/l	TCVN 6224 :1996	210	192	220	300
12	Coliforms	CPU/100ml	TCVN 6187-1:2019*	3,3x10 ²	4,8x10 ²	3,6x10 ²	<3
13	E.Coli	CPU/100ml	TCVN 6187-1:2019*	<1	<1	25	<1
14	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. aeruginosa)	CPU/100ml	TCVN 8881:2011*,a	80	<1	<1	<1
15	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CPU/100ml	HD.S.109 (Ref.SMEWW 9213B:2023)	<1	<1	<1	<1
16	Hàm lượng Amoni	mg/l	TCCS 38 : 2016	0,025	0,022	0,026	0,3
17	Hàm lượng Cadimi	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,003
18	Hàm lượng Chi	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,01
19	Hàm lượng Đồng	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,005)	KPH (LOD=0,005)	1
20	Hàm lượng Kẽm	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,002)	<0,006	KPH (LOD=0,002)	2

Chú thích:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao từng phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
- Tên, địa chỉ của khách hàng và mẫu được ghi theo yêu cầu của đơn vị gửi mẫu.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
- Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu có dấu ** là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

BM 7.8/01



SỞ Y TẾ HÀI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 84 Nguyễn Tất Tố, Lê Chân, Hải Phòng
Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học – Tầng 4, Tòa A



VILAS 513

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	P.pháp phân tích	Kết quả			Giới hạn tối đa cho phép theo (QCĐP 02:2023/TPHP)
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
21	Hàm lượng Fluorua (F ⁻)	mg/l	TCCS 65:2017	0,13	0,14	0,13	1,5
22	Hàm lượng Mangan	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,0015)	0,1413	0,1747	0,3
23	Hàm lượng Nhôm (Al)	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,01)	<0,03	KPH (LOD=0,01)	0,2
24	Hàm lượng Natri (Na)	mg/l	SMEWW 3125:2023	97,34	68,12	46,1	200
25	Hàm lượng Sắt	mg/l	SMEWW 3125:2023	0,078	0,106	0,122	0,3
26	Hàm lượng sunfat	mg/l	TCCS 37 : 2016	53,533	54,186	54,947	250
27	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	TCCS 60:2016	547	550	549	1000
28	Thủy ngân	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,00003)	KPH (LOD=0,00003)	KPH (LOD=0,00003)	0,001
29	Chromi (Cr)	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,05
30	Nickel (Ni)	mg/l	SMEWW 3125:2023	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,07
31	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/l	SMEWW 3125:2023	0,091	0,05	0,035	0,3
32	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	1
33	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100
34	MCPA	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD = 1)	KPH (LOD = 1)	KPH (LOD = 1)	2

Chú thích:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được trích sao từng phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
- Tên, địa chỉ của khách hàng và mẫu được ghi theo yêu cầu của đơn vị gửi mẫu.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
- Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- Chỉ tiêu có dấu ** là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

BM 7.8/01



SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 84 Nguyễn Tất Tố, Lê Chân, Hải Phòng
Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học – Tầng 4, Tòa A



VILAS 513

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	P.pháp phân tích	Kết quả			Giới hạn tối đa cho phép theo (QCĐP 02:2023/TPHP)
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	
35	Molinate	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD = 2)	KPH (LOD = 2)	KPH (LOD = 2)	6
36	Permethrin Mg/t	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD = 7)	KPH (LOD = 7)	KPH (LOD = 7)	20
37	Propanil Uq/L	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD = 7)	KPH (LOD = 7)	KPH (LOD = 7)	20
38	Bromodichlorome thane	µg/L	US EPA Method 524.4	0,489	0,522	0,493	60
39	Bromoform	µg/L	US EPA Method 524.4	2,85	3,58	3,44	100
40	Chloroform	µg/L	US EPA Method 524.4	0,504	0,509	0,5	300
41	Dibromochlorome thane	µg/L	US EPA Method 524.4	53,49	69,49	52,75	100

KPH (Không phát hiện): Dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp. LOD: giới hạn phát hiện

Kết luận: 3/3 Mẫu nước đã phân tích không đạt tiêu chuẩn theo QCĐP 02: 2023 /TPHP (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng).

Hải Phòng, ngày 09 tháng 7 năm 2026

KHOA SKMT&YTTH
TRƯỜNG KHOA

Lê Thị Mai Chi

KHOA XN-CDHA-TDCN
TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Thị Quyên

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phúc Thiện

Chú thích:

1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Không được trích sao từng phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
3. Tên, địa chỉ của khách hàng và mẫu được ghi theo yêu cầu của đơn vị gửi mẫu.
4. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
5. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
6. Chỉ tiêu có dấu ** là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

BM 7.8/01